

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2020/HS-ST
Ngày: 03-6-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Đoàn.

Thẩm phán: Ông Lò Văn Lịch.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Vũ.

Ông Lê Trọng Cảnh.

Bà Nguyễn Thị Khuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thảo, Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đã tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 35/2020/TLST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2020/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo:

Vàng A D (Tên gọi khác: Không), sinh năm 1997, tại Sơn La. Nơi cư trú: Bản H, xã M, huyện S, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hóa: Không; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vàng Nhịa D (Đã chết) và bà Vừ Thị C, sinh năm 1960; có vợ Vừ Thị D, sinh năm 1992 và 02 người con, con lớn nhất sinh năm 2016, con nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án: Không, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử lý vi phạm hành chính; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/01/2020 đến ngày 17/01/2020 tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Vàng A D: Bà Nguyễn Thị Thu H, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

- Người phiên dịch tiếng Mông: Ông Sùng A C, sinh năm 2000. Địa chỉ: Tổ dân phố 16, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 08/2019 Vàng A D có gặp và làm quen với đối tượng tự xưng tên là L nhà ở Lai Châu, L đặt vấn đề cần mua 50 túi Methamphetamine với giá 03 triệu đồng/01 túi. Ngày 14/01/2020 Vàng A D đã gặp Sòng Giạ T, hai bên trao đổi nếu T có ma túy thì đưa cho D mang đi bán với giá 03 triệu đồng/01 túi, T đồng ý và hứa, nếu bán trót lọt sẽ trả công cho D số tiền 10.000.000 đồng. Khoảng 09 giờ ngày 15/01/2020 D và T mỗi người đi một xe máy đến khu vực C7, xã M, huyện S, tỉnh Sơn La giáp biên giới Việt - Lào, một lúc sau T đưa cho D 50 túi Methamphetamine (khối lượng 929,71 gam). D cất số ma túy đó vào trong cốp xe máy rồi cả hai đi đến khu vực giáp xã M, huyện S, tỉnh Sơn La với xã M của huyện Đ, tỉnh Điện Biên, T lấy ma túy mang lên đồi cất giấu, đồng thời ở lại trông coi còn D đến trung tâm xã M để gặp đối tượng tên L là người hỏi và đặt mua ma túy. Sau đó D và L đi đến chỗ giấu ma túy. Khi đến chỗ giấu ma túy D đưa cho L kiểm tra xong D để túi ma túy lên khung xe rồi chờ L quay lại xã M để trao đổi mua bán. Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 15/01/2020, khi Vàng A D và đối tượng tên là L đi đến khu vực bản L, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên thì bị phát hiện và thu giữ cùng 50 túi Methamphetamine có tổng khối lượng là 929,71 gam còn đối tượng tên là L bỏ chạy thoát.

Tại bản Kết luận giám định số: 145/GĐ-PC 09, ngày 07/02/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Điện Biên kết luận:

- 50 (năm mươi) mẫu viên nén màu hồng ký hiệu từ M1 đến M50 trích ra từ vật chứng thu giữ của Vàng A D gửi giám định là chất ma túy: Loại Methamphetamine.

- Khối lượng vật chứng thu giữ của Vàng A D là 929,71 gam.

- Methamphetamine nằm trong danh mục các chất ma túy, STT: 323, Mục IIC, danh mục II, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018.

Tại bản Cáo trạng số: 33/CT-VKS-P1 ngày 11/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố Vàng A D để xét xử về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b Khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b Khoản 4 Điều 251, điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 39 BLHS: Xử phạt bị cáo Vàng A D tù Chung thân.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại Khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

- Về vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS xử lý theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm d Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Vàng A D.

Tại phiên tòa bị cáo Vàng A D khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng và luận tội của Kiểm sát viên. Thực hiện lời nói sau cùng bị cáo Vàng A D đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và xin được miễn án phí hình sự sơ thẩm do bị cáo sinh sống ở vùng sâu, vùng xa, điều kiện kinh tế của bị cáo cũng gặp nhiều khó khăn.

Người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến tranh luận gì về tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố và bản luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến điều kiện sinh sống của bị cáo: Bị cáo sinh sống ở vùng sâu, vùng xa, bản thân không được đi học, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm s Khoản 1 Điều 51 BLHS, xem xét giảm nhẹ hình phạt và xử phạt bị cáo ở mức thấp nhất của khung hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội và đề nghị không áp dụng Khoản 5 Điều 251 BLHS do bị cáo thuộc diện hộ nghèo; đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo. Đối với chiếc điện thoại di động do bị cáo mượn của vợ bị cáo và vợ bị cáo cũng không biết bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội nên đề nghị trả lại cho vợ bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo Vàng A D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng và luận tội của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra được ghi nhận tại Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản mở niêm phong xác định khối lượng, Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Vàng A D khai nhận vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 15/01/2020, tại khu vực bản L, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, Tổ công tác phòng Phòng chống ma túy và tội phạm, Bộ đội biên phòng tỉnh Điện Biên phối hợp Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Điện Biên, Đoàn biên phòng cửa khẩu H phát hiện và thu giữ của Vàng A D 50 túi Methamphetamine có tổng khối lượng là 929,71 gam. Nguồn gốc số ma túy đó là do Sông Giã T đưa cho D để D bán cho đối tượng tên là L với giá 03 triệu /01 túi và hứa sẽ trả công cho D số tiền 10 triệu đồng nếu việc mua bán trót lọt. Sau khi nhận được ma túy, Vàng A D cất giấu ma túy trên đồi khu vực giáp xã M, huyện S, tỉnh Sơn La và xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, sau đó bị cáo đi ra trung tâm xã M, huyện Đ gặp L, cả hai đi

xe máy quay lại chỗ giấu ma túy để lấy, D để ma túy lên khung xe máy rồi chở L quay lại xã M, trao đổi mua bán. Khi đi đến khu vực bản L, xã M thì bị tổ công tác phát hiện bắt quả tang cùng toàn bộ vật chứng vụ án còn đối tượng tên là L đã bỏ chạy thoát.

Do đó, Hội đồng xét xử đã đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Vàng A D đã phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại Điều 251 Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[2] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Vàng A D là đặc biệt nguy hiểm, xâm hại đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, gây mất trật tự tại địa phương, gây dư luận xấu trên địa bàn. Mặt khác, ma túy là nguyên nhân phát sinh các tệ nạn xã hội và tội phạm khác. Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo Vàng A D là đặc biệt nghiêm trọng. Nguyên nhân xuất phát từ động cơ, mục đích mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo là do háo hức.

Về tình tiết định khung hình phạt: Hành vi mua bán trái phép 929,71 gam Methamphetamine, mục đích để kiếm lợi của Vàng A D đã cấu thành tình tiết định khung được quy định tại điểm b Khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân tỉnh Điện Biên truy tố đối với bị cáo Vàng A D về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm b Khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, bị cáo không bị oan sai.

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù không thời hạn đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, phù hợp với quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

Đối với đề nghị của người bào chữa về việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo Vàng A D và xin miễn hình phạt bổ sung và miễn án phí cho bị cáo; bởi sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo hiểu biết pháp luật còn nhiều hạn chế, bị cáo thuộc đồng bào dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế khó khăn. Do đó, đề nghị của người bào chữa là có căn cứ để chấp nhận.

Đối với đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là không có căn cứ chấp nhận vì, khối lượng ma túy mà bị cáo đã tham gia mua bán là rất lớn, hành vi của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng do đó cần phải áp dụng mức hình phạt để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Đối với đề nghị của người bào chữa về việc trả lại cho vợ bị cáo chiếc điện thoại di động là có căn cứ vì vợ bị cáo không biết bị cáo đã sử dụng chiếc điện thoại đó làm phương tiện phạm tội.

[3] Về hình phạt bổ sung:

Ngoài hình phạt chính, theo quy định Khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự, còn quy định:

“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

Tuy nhiên, theo các tài liệu chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy nghề nghiệp chính của bị cáo trước khi bị bắt là làm nương, không có nguồn thu nhập nào khác, bản thân lại phải chăm lo cho gia đình, điều kiện kinh tế còn gặp khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, thấy rằng:

Bị cáo Vàng A D không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Sau khi bị bắt, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được áp dụng điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tuy nhiên, căn cứ tính chất hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng; mặc dù bị cáo sinh sống ở vùng sâu, vùng xa, ngoài lần phạm tội này bị cáo chưa bị xét xử về tội danh nào khác và chưa bị xử lý vi phạm hành chính song với khối lượng ma túy mà bị cáo đã mua bán là rất lớn, hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội. Do đó Hội đồng xét xử cần áp dụng mức hình phạt tù không thời hạn như mức đề nghị của Kiểm sát viên mới đủ sức răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Điện Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, phù hợp với các quy định của pháp luật.

[6] Về vật chứng vụ án: Theo quy định tại Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, số vật chứng đã thu giữ của bị cáo cần xử lý như sau:

- Đối với số ma túy, đã thu giữ của bị cáo, cần bị tịch thu tiêu hủy.

- Đối với điện thoại di động, bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội, tại phiên tòa bị cáo khai do bị cáo mượn của vợ và vợ bị cáo cũng đã có đơn đề nghị xin lại điện thoại nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận trả lại chiếc điện thoại di động cho vợ bị cáo.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm d Khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do bị cáo Vàng A D thuộc đồng bào dân tộc thiểu số, đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế khó khăn, bị cáo thuộc diện hộ nghèo nên Hội đồng xét xử quyết định miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[8] Về các vấn đề khác:

Trong vụ án theo lời khai của bị cáo Vàng A D, đối tượng tên là Sông Gia T trú tại bản H, xã M, huyện S, tỉnh Sơn La là người đi lấy ma túy và đưa ma túy cho D; Cơ quan điều tra đã xác minh nhưng hiện T không có mặt tại địa phương; cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra, xử lý sau, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Đối với đối tượng tên là L và một người đàn ông đi cùng là người đặt mua ma túy, do Vàng A D không biết địa chỉ của hai người này nên cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra xác minh làm rõ; Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b Khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Vàng A D (tên gọi khác: Không) phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Áp dụng điểm b Khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự, điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 39 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Vàng A D tù Chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày 15/01/2020.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 904,71 gam Methamphetamine là vật chứng của vụ án còn lại sau khi giám định.

- Trả lại cho vợ của bị cáo Vàng A D là bà Vừ Thị D, sinh năm 1992; địa chỉ: Bản H, xã M, huyện S, tỉnh Sơn La: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu ITEL màu đen bạc, loại máy màn hình cảm ứng. Máy cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong máy.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên ngày 11/5/2020).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm d Khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Vàng A D.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Căn cứ các Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, bị cáo có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 03/6/2020).

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Công an tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên;
- Cục THADS tỉnh Điện Biên;
- UBND xã M, huyện S, tỉnh Sơn La (Thông báo);
- Phòng HC Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Vụ Giám đốc kiểm tra I (TAND tối cao);
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Trọng Đoàn